TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 11/01/2024.
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: bà Trương Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phát Triển.

2. Ông Nguyễn Chí Công.

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thái Vân An - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 233/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 08/12/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 713/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Châu Thị T, sinh năm 1987;
HKTT: 976 A ấp LKA, xã LH, huyện LV, ĐT.
Địa chỉ tạm trú: 177 PN, xã TPĐ, TP SĐ, Tỉnh ĐT.
Bị đơn: Trần Huỳnh T, sinh năm 1982;
Địa chỉ: 976 A ấp LKA, xã LH, huyện LV, ĐT.
(Đương sự T có mặt tại phiên tòa, đương sự T1 vắng mặt tại phiên tòa không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Châu Thị T trình bày:

Chị T và anh anh T1 kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hậu huyện Lai Vung ngày 03/3/2009. Quá trình chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung tên Trần Châu Minh T2, sinh ngày 02/9/2011 hiện đang sống chung với chị T.

Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là anh T1 không tự lập mà chỉ sống phụ thuộc dựa dẫm vào cha mẹ, không đếm xỉa gì tới vợ con, tính gia trưởng, anh T1 thường tụ tập bạn bè ăn chơi, đá gà, đánh bài nên vợ chồng thường xuyên cải vả sống không hạnh phúc, chị T và con tên T3 bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T sống ly thân với anh T1 từ năm 2019 đến nay, chị T sống bằng nghề buôn bán trai cây để nuôi con, sau khi chị T bỏ đi thì thỉnh thoảng anh T1 có đến thăm con nhưng từ năm 2022 đến nay giữa chị T và anh T1 không còn liên lạc nữa, anh T1 không phụ giúp gì để chị T nuôi con.

Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi con tên T3, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con (con tên T3 có bản tường trình ngày 31/9/2023 là nếu cha mẹ (T, T1) ly hôn thì T3 yêu cầu được ở với mẹ.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị T không yêu cầu Tòa giải quyết.

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến nay đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T1, anh T1 xem văn bản nhưng từ chối nhận (có xác nhận của trưởng ban nhân dân ấp Long Khánh A, xã Long Hậu đi cùng).

Tòa án đã mời hòa giải 02 lần, đã ra thông báo kết quả công khai chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tống đạt hợp lệ cho anh T1 nhưng anh T1 không trình bày ý kiến của mình về việc khởi kiện của nguyên đơn, vắng mặt tại các phiên hòa giải và không đến tham dự phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe lời trình bày và yêu cầu của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Châu Thị T khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn đối với anh Trần Huỳnh T nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là anh Trần Huỳnh T đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Long Hậu, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập anh T1 xét xử lần thứ 2 đã tống đạt hợp lệ anh T1 (anh T1 đọc biết việc Tòa án triệu tập xét xử nhưng từ chối nhận văn bản) nhưng anh T1 không đến tham dự phiên tòa vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với T1.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị T và anh anh T1 kết hôn năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Long Hậu huyện Lai Vung ngày 03/3/2009. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn theo chị T trình bày là anh T1 không tự lập mà chỉ sống phụ thuộc dựa dẩm vào cha mẹ, không đếm xỉa gì tới vợ con, tính gia trưởng, anh T1 thường tụ tập bạn bè ăn chơi, đá gà, đánh bài nên vợ chồng thường xuyên cải vả sống không hạnh phúc, chị T và con tên T3 bỏ về nhà cha mẹ ruột chị T sống ly thân với anh T1 từ năm 2019 đến nay, chị T sống bằng nghề buôn bán trái cây để nuôi con, sau khi chị T bỏ đi thì thỉnh thoảng anh T1 có đến thăm con nhưng từ năm 2022 đến nay giữa chị T và anh T1 không còn liên lạc nữa, anh T1 không phụ giúp gì để chị T nuôi con. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, thời gian ly thân đã lâu không có giải pháp nào hàn gắn đoàn tụ nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh T1. Xét yêu cầu của chị T Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có mâu thuẫn với nhau do anh T1 không tự lập mà chỉ sống phụ thuộc dựa dẩm vào cha mẹ, không quan tâm vợ con, tính gia trưởng, anh T1 thường tụ tập bạn bè ăn chơi, đá gà, đánh bài nên vợ chồng thường xuyên cải vả sống không hạnh phúc, chị T bỏ nhà đi sống ly thân với anh T1 từ năm 2019 đến nay. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh T1 đến Tòa để phân tích, hòa giải, động viên tạo điều kiện để chị T và anh T1 tìm giải pháp đoàn tụ chung sống hạnh phúc nuôi dạy con nhưng anh T1 không đến tham dự cũng như trình bày ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của chị T. Mặc khác, anh chị đã ly thân từ năm 2019 đến nay thời gian cũng đã hơn 04 năm giữa anh T1 và chị T cũng không tìm được giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy, giữa chị T và anh T1 đã không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị T là có căn cứ và phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T1 có 01 con chung tên Trần Châu Minh T2, sinh ngày 02/9/2011 hiện đang sống chung với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi con tên T3, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Hội đồng xét xử xét thấy con chung của anh chị là Trần Châu Minh T2 sinh ngày 02/9/2011 do chị T trực tiếp nuôi

dưỡng từ ngày anh chị sống ly thân năm 2019 đến nay, bé T3 phát triển bình thường về thể chất cũng như tinh thần, chị T có nghề nghiệp bán trái cây có thu nhập ổn định, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án bé T3 cũng đã có bảng trình bày ý kiến là ở với mẹ nếu như cha mẹ ly hôn. Từ những nhận định phân tích trên xét yêu cầu được nuôi con tên T3, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con của chị T là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày là không yêu cầu Tòa giải quyết.

[5] Về án phí: chị Châu Thị T phải chịu án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Điều 147, Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH khóa 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về quy định về mực thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Châu Thị T. Chị Châu Thị T được ly hôn với anh Trần Huỳnh T.

[2] Về con chung: Chị Châu Thị T được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con tên Trần Châu Minh T2, sinh ngày 02/9/2011, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Chi T và các thành viên gia đình không được quyền cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu giải quyết.

[4] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Châu Thị T phải chịu 300.000đ, tiền án phí của chị T được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp ngày 05/10/2023 theo biên lai thu số 0007345 của chị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung chị T không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (11/01/2024). Đương sự vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc nêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sử đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- CC.THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
-UBND xã Long Hậu;
- Lưu: HSVA, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Bích Thủy